

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được áp dụng theo thang điểm 1000 và được chi tiết theo từng mục TCDG. Mức điểm yêu cầu tối thiểu 75% tổng số điểm về kỹ thuật

(tương ứng 750 điểm). E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính

Nội dung đánh giá		Chấm điểm (với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		320	240
1.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT	Hàng hoá chào thầu đáp ứng tối thiểu yêu cầu về kỹ thuật quy định của E-HSMT đạt 60 điểm tối thiểu. Có đề xuất thông số kỹ thuật vượt trội so với yêu cầu quy định của E-HSMT cộng thêm điểm cho các hàng hoá sau: - Có > 20% trên tổng khối lượng hàng hoá thiết bị trong E-HSMT có đề xuất thông số kỹ thuật vượt trội (+20 điểm).	80	60
	- Không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật tối thiểu quy định của E-HSMT	0	
1.2. Mô tả chi tiết nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, màu sắc tình trạng và năm sản xuất của hàng hóa	Nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, màu sắc tình trạng và năm sản xuất của hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 10B (Webform trên hệ thống) đạt 60 điểm tối thiểu. Đối với các hàng hoá đề xuất nhóm xuất xứ vượt trội cộng thêm điểm như sau: - Đối với thiết bị máy vi tính, máy in trong danh mục hàng hoá dự thầu thuộc xuất xứ Việt Nam (+20 điểm). - Đối với thiết bị máy vi tính, máy in trong danh mục hàng hoá dự thầu thuộc xuất xứ các nước khác (+10 điểm).	80	60
	Không nêu đầy đủ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, màu sắc tình trạng và năm sản xuất, của hàng hóa dự thầu.	0	

<p>1.3. Cung cấp tài liệu mô tả chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu</p>	<p>- Cung cấp đầy đủ tài liệu Catalogue, của hãng sản xuất và cung cấp thông tin trang Web, đường link web đối với thiết bị thiết bị Máy tính, máy in, ti vi, hệ thống âm thanh của thiết bị dự thầu chính xác và mới nhất của hãng để chứng minh các thông số kỹ thuật cho toàn bộ các hàng hóa chào thầu (cung cấp đầy đủ: 40 điểm; cung cấp không đầy đủ: 0 điểm)</p> <p>- Toàn bộ tài liệu cung cấp Catalogue thiết bị Máy tính, máy in, ti vi, hệ thống âm thanh phải thể hiện liên kết được tải về từ website chính thức của hãng sản xuất hoặc được hãng sản xuất chứng nhận (cung cấp đầy đủ: 20 điểm; cung cấp không đầy đủ: 0 điểm).</p> <p>- Trường hợp hàng hóa chào thầu có công nghệ tương đương hoặc cao hơn phải cung cấp tài liệu có giá trị pháp lý và có cơ sở khoa học để chứng minh (cung cấp đầy đủ: 20 điểm; cung cấp không đầy đủ: 0 điểm). Đối với trường hợp tất cả hàng hoá chào thầu đáp ứng giống toàn bộ yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT sau khi đối chiếu Catalogue phù hợp (đánh giá tiêu chí này 10 điểm).</p>	80	60
	<p>Không đáp ứng các yêu cầu trên</p>	0	

<p>1.4. Thuyết minh khả năng đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có bảng chi tiết so sánh, đánh giá đáp ứng thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và hàng hóa mời thầu (Cung cấp đầy đủ: 40 điểm; cung cấp không đầy đủ: 0 điểm, thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu phải phù hợp thống nhất Catalogue hàng hóa nếu có sai khác sẽ giảm trừ 50% số điểm nội dung này) - Nêu rõ mức độ đáp ứng (không đáp ứng, đáp ứng, tương đương, vượt trội) và diễn giải /thuyết minh khả năng đáp ứng, tương đương hoặc vượt trội của từng thiết bị so với yêu cầu của E-HSMT (nêu đầy đủ: 20 điểm; nêu không đầy đủ: 0 điểm) - Phải có đánh dấu, dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào trên tài liệu chứng minh (đánh dấu đầy đủ: 20 điểm; đánh dấu không đầy đủ: 0 điểm) <p>Lưu ý: Trường hợp phát hiện nhà thầu cung cấp catalogue hàng hóa dự thầu sai khác so với catalogue của nhà sản xuất, sẽ bị đánh giá loại và xử lý vi phạm theo Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu</p>	80	60
	<p>Không đáp ứng các yêu cầu trên</p>	0	
<p>2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</p>		100	75
<p>Nhà thầu trình bày theo yêu cầu của E-HSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ, chi tiết phù hợp với từng yêu cầu: đạt 100% số điểm của yêu cầu. - Trình bày có thiếu sót nhưng chấp nhận được so với từng yêu cầu: đạt 80% số điểm của yêu cầu. - Trình bày cơ bản phù hợp nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ so với từng yêu cầu: đạt 50% số điểm của yêu cầu. - Không trình bày hoặc không đáp ứng toàn bộ nội dung của yêu cầu: 0 điểm 			
<p>2.1. Biện pháp chuẩn bị hàng hóa</p>		25	

<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch nhập hàng hoặc sản xuất hàng hóa. - Phương án tập kết về kho, chuẩn bị chứng từ quản lý chất lượng, thủ tục pháp lý (nếu có), vận chuyển và lắp đặt hoàn chỉnh trước khi nghiệm thu bàn giao cho đưa vào sử dụng 	<p>Nội dung các bước công việc triển khai thực hiện phải rõ ràng, chi tiết và phù hợp với hiện trạng, chủng loại hoặc nhóm thiết bị (VD: Nhóm thiết bị gỗ, chủng loại thiết bị điện tử....) theo danh mục mời thầu, nhân sự phụ trách thực hiện và tiến độ thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất;</p>	9	
	<p>Tiến độ thực hiện từng bước công việc triển khai phải đảm bảo có thời gian thực hiện cụ thể (số ngày thực hiện) và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất.</p>	8	
	<p>Tất cả nhân sự phụ trách thực hiện đều phải được phân công công việc cụ thể và cung cấp đầy đủ thông tin liên hệ của nhân sự (họ và tên, số điện thoại). Nhân sự phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với nội dung công việc được phân công; Phân bổ thời gian thực hiện hợp lý cho nhân sự, tránh trường hợp một nhân sự thực hiện cùng lúc nhiều công việc trong một thời gian cụ thể.</p>	8	
2.2. Biện pháp vận chuyển hàng hóa		25	
<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp, phương tiện vận chuyển hàng hóa. - Biện pháp bảo quản trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến địa điểm bàn giao cho chủ đầu tư nhằm đảm bảo chất lượng, nguyên vẹn. 	<p>Nội dung các bước công việc triển khai thực hiện phải rõ ràng, chi tiết và phù hợp với hiện trạng, chủng loại hoặc nhóm thiết bị (VD: Nhóm thiết bị gỗ, chủng loại thiết bị điện tử....) theo danh mục mời thầu, nhân sự phụ trách thực hiện và tiến độ thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất;</p>	9	
	<p>Tiến độ thực hiện từng bước công việc triển khai phải đảm bảo có thời gian thực hiện cụ thể (số ngày thực hiện) và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất.</p>	8	

	Tất cả nhân sự phụ trách thực hiện đều phải được phân công công việc cụ thể và cung cấp đầy đủ thông tin liên hệ của nhân sự (họ và tên, số điện thoại). Nhân sự phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với nội dung công việc được phân công; Phân bổ thời gian thực hiện hợp lý cho nhân sự, tránh trường hợp một nhân sự thực hiện cùng lúc nhiều công việc trong một thời gian cụ thể.	8	
2.3. Công tác lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành chạy thử		25	
Thực hiện các công tác lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành chạy thử trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.	Nhà thầu đề xuất giải pháp lắp đặt hàng hóa tại công trình theo hiện trạng công trình. Nội dung giải pháp phải đảm bảo và thống nhất nội dung công việc với chủ đầu tư và đơn vị sử dụng trước khi tiến hành lắp đặt thiết bị. Trong quá trình lắp đặt phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.	7	
	Nhà thầu đề xuất giải pháp cài đặt phần mềm cho hàng hóa và đề xuất các phần mềm sẽ cài đặt và kèm theo thông tin về bản quyền (miễn phí, bản dùng thử, tính phí)	6	
	Nhà thầu đề xuất các nội dung sẽ hướng dẫn sử dụng hàng hóa cho đơn vị sử dụng đảm bảo phải hướng dẫn sử dụng đầy đủ các tính năng của thiết bị cho đơn vị sử dụng. Nội dung hướng dẫn phải có thực hành trên thiết bị được bàn giao và có tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc video hướng dẫn sử dụng bằng ngôn ngữ tiếng Việt cho đơn vị sử dụng	6	

	<p>Nhà thầu đề xuất phương án vận hành thử thiết bị, thể hiện các công việc cần phối hợp của các bên liên quan trong quá trình kiểm tra và vận hành thử.</p> <p>Đảm bảo có bước kiểm tra khối lượng, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ, tiêu chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy của các thiết bị, giấy kiểm định. Có đề xuất phương án xử lý khi kết quả kiểm tra và vận hành thử không đạt yêu cầu</p>	6	
2.4. Đề xuất thay thế thiết bị vượt trội và hiệu quả hơn không tăng chi phí gói thầu		25	
Nêu thay thế thiết bị vượt trội và hiệu quả hơn không tăng chi phí gói thầu về thiết bị, lắp đặt, công nghệ mới	Nhà thầu đề xuất cung cấp hàng hóa thay thế vượt trội đáp ứng theo khối lượng mời thầu, đảm bảo không phát sinh chi phí	9	
	Nhà thầu đề xuất giải pháp lắp đặt hàng hóa đảm bảo sử dụng tối ưu hơn, đáp ứng thuận tiện sử dụng hoạt động và phát triển sau này.	8	
	Có bảng so sánh hàng hoá đề xuất của nhà thầu so với yêu cầu mời thầu. Có đánh giá và có tài liệu hồ sơ chứng minh dẫn chứng cơ sở ưu việt, vượt trội hơn	8	
3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		120	90
3.1. Đề xuất thời gian bảo hành theo yêu cầu	Đáp ứng thời gian bảo hành tối thiểu cho tất cả hàng hóa chào thầu theo yêu cầu là 12 tháng đạt điểm tối thiểu 30 điểm. Có đề suất thời gian bảo hành từ 18 tháng trở lên cộng thêm +10 điểm.	40	30
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	0	
3.2. Đề xuất phương án bảo hành:		40	30

<p>Nhà thầu trình bày giải pháp bảo hành theo yêu cầu của E-HSMT:</p> <p>- Trình bày đầy đủ, chi tiết phù hợp với từng yêu cầu: đạt 100% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Trình bày có thiếu sót nhưng chấp nhận được so với từng yêu cầu: đạt 80% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Trình bày cơ bản phù hợp nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ so với từng yêu cầu: đạt 50% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Không trình bày hoặc không đáp ứng toàn bộ nội dung của yêu cầu: 0 điểm</p>	Nhà thầu nêu rõ thông tin của Trung tâm bảo hành như: tên, số điện thoại, địa chỉ, email, người đại diện pháp luật;	6	
	Nhà thầu nêu đầy đủ, thể hiện rõ ràng các điều kiện bảo hành (nêu rõ các trường hợp thuộc diện bảo hành và các trường hợp không thuộc diện bảo hành)	6	
	Nhà thầu mô tả quy trình bảo hành. Nội dung mô tả phải đảm bảo nêu rõ từng công việc cụ thể (từng công việc cần nêu rõ thời gian hoàn thành tối đa, nhân sự thực hiện cụ thể kèm theo thông tin liên hệ như họ tên, số điện thoại và email)	7	
	Nhà thầu thuyết minh để chứng minh khả năng xử lý thông tin phản ánh trong vòng 04 giờ sau khi tiếp nhận thông tin và phân công nhân sự khắc phục sự cố tại địa điểm yêu cầu trong vòng 08 giờ làm việc khi có yêu cầu	7	
	Các thiết bị mua sắm được cung cấp đầy đủ các thông tin về điều khoản bảo hành rõ ràng; Có sổ bảo hành, nhật ký bảo dưỡng hoặc giao diện phần mềm theo dõi bảo hành; bảo hành đúng thời hạn quy định; bảo hành theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất	7	

	Nhà thầu cam kết thời gian tối đa thực hiện hoàn thiện công tác bảo hành là 07 ngày (kể từ khi xác định được trường hợp được bảo hành). Trường hợp quá thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu không tiến hành khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế các hư hỏng, Chủ đầu tư có quyền chủ động tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hoá hoặc thay thế hàng hoá; Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế này.	7	
3.3. Đề xuất phương án bảo trì	Nhà thầu đề xuất quy trình bảo trì và số lần bảo trì trong thời gian bảo hành 04 lần/năm nhà thầu đạt điểm tối thiểu 30 điểm. Có đề xuất tăng số lần bảo trì từ 06 lần/năm trở lên cộng thêm + 10 điểm.	40	30
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	0	
4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa		50	37,5
4.1. Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế	Nhà thầu thuyết minh và cam kết để chứng minh khả năng cung cấp phụ tùng thay thế cho các thiết bị dự thầu với thời gian yêu cầu 05 năm đạt điểm tối thiểu 22,5 điểm. Có đề xuất tăng thời gian từ 8 năm trở lên cộng thêm +7,5 điểm	30	22,5
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	0	
4.2. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế	Cung cấp đầy đủ đơn giá các dịch vụ bảo trì, thiết bị thay thế cho các thiết bị dự thầu hoặc chủng loại hoặc nhóm thiết bị (VD: Nhóm thiết bị gỗ, chủng loại thiết bị điện tử....) đạt điểm tối thiểu 15 điểm. Có đề xuất giảm giá dịch vụ cho đơn vị sử dụng khi thực hiện dịch vụ bảo trì sau khi hết hạn bảo hành cộng thêm + 05 điểm	20	15

	Không đáp ứng các yêu cầu trên	0	
5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường, Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		50	37,5
5.1 Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		25	
Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường.	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam: đạt 100% số điểm của yêu cầu		
	Hàng hóa được cung cấp chưa hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam và đề xuất biện pháp giải quyết: đạt 75% số điểm của yêu cầu		
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam: đạt 0 điểm		
5.2 Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		25	
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý: đạt 100% số điểm của yêu cầu		
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết: đạt 75% số điểm của yêu cầu		
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết: đạt 0 điểm		
6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		100	75
Nhà thầu phải thuyết minh đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT:	Có phương án đánh giá khả năng tiếp nhận của đơn vị sử dụng và phương án hỗ trợ hướng dẫn bổ sung nếu đơn vị sử dụng có yêu cầu	17	

<p>- Trình bày đầy đủ, chi tiết phù hợp với từng yêu cầu: đạt 100% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Trình bày có thiếu sót nhưng chấp nhận được so với từng yêu cầu: đạt 80% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Trình bày cơ bản phù hợp nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ so với từng yêu cầu: đạt 50% số điểm của yêu cầu.</p> <p>- Không trình bày hoặc không đáp ứng toàn bộ nội dung của yêu cầu: 0 điểm</p>	Cung cấp thông tin số điện thoại liên hệ cho đơn vị sử dụng để được hướng dẫn sử dụng trong quá trình sử dụng hàng hóa khi có nhu cầu	16	
	Đảm bảo có bước kiểm tra chất lượng, kết quả lắp đặt, cài đặt thiết bị, vận hành thử thiết bị và hướng dẫn sử dụng cho chủ đầu tư và đơn vị sử dụng	17	
	Nhà thầu đề xuất phương án đảm bảo hoạt động của hệ thống khi thiết bị phải đưa đi bảo hành với thời gian xử lý từ 03 ngày trở lên	17	
	Nhà thầu đề xuất quy trình bảo trì, nhân sự phụ trách bảo trì (kèm thông tin họ tên, số điện thoại)	16	
	Nhà thầu đề xuất giải pháp để đơn vị sử dụng đánh giá chất lượng dịch vụ bảo trì của nhà thầu (phiếu đánh giá, phần mềm đánh giá, đánh giá trực tiếp qua tổng đài của nhà thầu...)	17	
7. Tiến độ cung cấp hàng hóa		120	90
7.1. Khả năng cung cấp lắp đặt hàng hoá theo tiến độ	Đáp ứng thời gian cung cấp lắp đặt hàng hóa tối thiểu theo yêu cầu E-HSMT 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) đạt 40 điểm. Có đề xuất rút ngắn tiến độ hoàn thành cung cấp lắp đặt: - Tiến độ rút ngắn từ 29 ngày đến 20 ngày: được cộng + 20 điểm. - Tiến độ rút ngắn từ 30 ngày trở lên: được cộng + 40 điểm.	80	60
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	0	

7.2. Tiến độ chi tiết thực hiện từng công tác	Nhà thầu phải thuyết minh đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT: - Trình bày đầy đủ, chi tiết phù hợp với từng yêu cầu: đạt 100% số điểm của yêu cầu. - Trình bày có thiếu sót nhưng chấp nhận được so với từng yêu cầu: đạt 80% số điểm của yêu cầu. - Trình bày cơ bản phù hợp nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ so với từng yêu cầu: đạt 50% số điểm của yêu cầu. - Không trình bày hoặc không đáp ứng toàn bộ nội dung của yêu cầu: 0 điểm	40	30
	Có tiến độ chi tiết thực hiện từng công tác, phù hợp với khoản 2 “Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa”	13	
	Nhà thầu liệt kê các rủi ro có thể gặp trong quá trình triển khai và đề xuất các biện pháp phòng tránh hoặc khắc phục cho từng rủi ro để đáp ứng tiến độ thực hiện	14	
	Nhà thầu đề xuất giải pháp và tiến độ nghiệm thu thanh toán các đợt và nghiệm hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ thực hiện và quy định hiện hành	13	

8. Yếu tố thân thiện môi trường	Nhà thầu phải thuyết minh đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT: - Trình bày đầy đủ, chi tiết phù hợp với từng yêu cầu: đạt 100% số điểm của yêu cầu. - Trình bày có thiếu sót nhưng chấp nhận được so với từng yêu cầu: đạt 80% số điểm của yêu cầu. - Trình bày cơ bản phù hợp nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ so với từng yêu cầu: đạt 50% số điểm của yêu cầu. - Không trình bày hoặc không đáp ứng toàn bộ nội dung của yêu cầu: 0 điểm	55	41,25
	Hàng hoá có yếu tố thân thiện với môi trường được dán nhãn sinh thái.	25	
	Hàng hoá dự thầu không chỉ tiêu thụ ít điện năng mà còn có tuổi thọ cao, giảm thiểu lượng rác thải điện tử	15	
	Sản phẩm được tạo ra từ các nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sử dụng, thải bỏ, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người.	15	
9. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa và chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định		70	52,5
9.1. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa:		40	
9.1.1. Tiến độ thực hiện hợp đồng:	Nhà thầu thuyết minh, cam kết không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu. <i>(Trường hợp chậm tiến độ hoặc bỏ dở không do lỗi của nhà thầu phải có văn bản xác nhận của Chủ đầu tư để chứng minh).</i>	20	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0	

9.1.2. Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do	Nhà thầu phải thuyết minh, cam kết về việc không bị vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng tương tự đã thực hiện kể từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu. <i>(Trường hợp phát hiện có nhà thầu vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng tương tự đã thực hiện kể từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu mà không kê khai sẽ bị đánh giá không đạt và xử lý vi phạm theo Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu).</i>	20	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0	
9.2. Chất lượng hàng hóa tương tự được công khai	Nhà thầu thuyết minh, cam kết chất lượng của hàng hóa trên thực tế so với hợp đồng đã thực hiện.	30	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0	
10. Các yêu cầu khác		15	11,25
Trình bày E-HSDT theo đúng quy cách	Lập thư mục cho E-HSDT theo cấu trúc như sau: + Thư mục chứa tài liệu/ hình ảnh chứng minh tính hợp lệ (Bảo đảm dự thầu, ...). Tên thư mục: 1.E_HSDT_HOPLA (05 điểm) + Thư mục chứa tài liệu/ hình ảnh chứng minh về năng lực và kinh nghiệm. Tên thư mục: 2.E_HSDT_NANGLUC-KINHNGHIEM (05 điểm) + Thư mục chứa tài liệu/ hình ảnh chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Tên thư mục: 3.E_HSDT_DEXUATKYTHUAT (05 điểm)	15	
	Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên	0	